

AN NINH CON NGƯỜI VÀ SỰ BẤT AN TRONG CUỘC SỐNG HÔM NAY

Vũ Dương Ninh
Đại học Quốc gia Hà Nội

TÓM TẮT: Sau khi giới thiệu khái niệm an ninh con người trong xã hội hiện đại bài viết đã phân tích một cách toàn diện và sâu sắc những cơ tiềm ẩn về chiến tranh, mâu thuẫn sắc tộc tôn giáo mất an ninh lương thực, nguy cơ cạn kiệt tài nguyên và năng lượng v.v... ở khu vực Đông Nam Á. Đồng thời bài viết cũng phân tích các nguy cơ mất an ninh ô nhiễm môi trường tự nhiên và xã hội ở Việt Nam và đề nghị cần phải hoạch định một chiến lược lâu dài để phát triển bền vững.

1. AN NINH CON NGƯỜI – ĐÔI NÉT VỀ KHÁI NIỆM

Chưa bao giờ, vấn đề an ninh con người được đặt ra một cách khẩn thiết như ngày nay. Nó trở thành mối quan tâm của toàn nhân loại, là đề tài bàn thảo trong nhiều hội nghị quốc gia và quốc tế, được hoạch định trong chính sách của các nhà nước vì cuộc sống của con người ngày càng bị đe dọa bởi nhiều yếu tố bất an: chiến tranh, nạn đói, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên ... Cho nên đi tìm những yếu tố bất an chính là để thấy rõ nguy cơ và biện pháp phòng tránh, bảo vệ an ninh con người.

Năm 1994, Tiến sĩ Mahbub ul Haq nêu lên *khái niệm* về an ninh con người (Human Security) trong báo cáo của UNDP về Phát triển con người. Theo thời gian, khái niệm này dần được bổ sung và phát triển. Vấn đề an ninh con người được

nhìn nhận từ hai góc độ: 1) sự an toàn của con người trước những nguy cơ lâu dài như đói khát, dịch bệnh, chiến tranh và sự áp bức; 2) sự bảo vệ con người trước những đe dọa bất thường và nguy hại trong khuôn khổ gia đình, nơi làm việc hay cộng đồng.

Nói rộng ra như cựu Tổng thư ký Liên Hợp Quốc Kofi Annan thì *an ninh con người gắn liền với hoà bình và phát triển* của thế giới cũng như của quốc gia, khu vực. Nó không chỉ là không có xung đột bạo lực mà còn phải bảo đảm quyền con người, sự quản lý tốt của nhà nước, cơ hội tiếp cận với các điều kiện thuận lợi về giáo dục, y tế và sự lựa chọn điều kiện phát huy năng lực của mỗi cá nhân.

Tuy còn nhiều bàn luận song hầu như người ta dễ gặp nhau trong quan niệm về nội hàm của an ninh con người bao gồm 7 lĩnh vực là kinh tế, lương thực, sức khoẻ,

môi trường, cá nhân, cộng đồng và chính trị. Trong cuộc sống, những điều bất an đối với con người bắt nguồn từ những nhân tố tự nhiên (thiên tai) và nhân tố con người (nhân tai). Hai nhân tố đó tác động lẫn nhau trong mối quan hệ nhân - quả của nhau.

Năm 2002 trong Tuyên bố chung ASEAN – Trung Quốc tại Phnom Penh xuất hiện một thuật ngữ mới: “*an ninh phi truyền thống*”. Bản Tuyên bố nêu rõ các nhà lãnh đạo ASEAN và Trung Quốc bày tỏ “sự quan ngại về những vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng gia tăng như buôn lậu, ma túy, buôn bán phụ nữ và trẻ em, cướp biển, khủng bố, buôn lậu vũ khí, rửa tiền, tội phạm kinh tế quốc tế và tội phạm công nghệ cao”. Đoạn văn trên tự nó đã nói rõ nội hàm của khái niệm này. Và tự nhiên, người ta nghĩ đến thuật ngữ có nghĩa đối lập của nó là “*an ninh truyền thống*”. Có thể hiểu khái niệm này bao hàm những yếu tố an ninh (và yếu tố bất an) vốn có từ lâu đời như thiên tai, nạn đói, dịch bệnh, chiến tranh... Tất nhiên sự phân biệt này không rạch ròi vì ngay các loại an ninh phi truyền thống cũng đã từng xuất hiện từ xa xưa trong lịch sử như nạn buôn người (nô lệ, phụ nữ, trẻ em), nạn cướp biển, nạn buôn lậu v.v...

Điều đáng quan tâm chính là trong thời đại *toàn cầu hoá* thì các vấn đề an ninh

không thu hẹp trong phạm vi nhỏ của địa phương hay từng nước mà nó nhanh chóng trở thành vấn đề của thế giới, của toàn nhân loại. Do vậy cuộc đấu tranh gìn giữ an ninh con người, ngăn ngừa những yếu tố bất an, chống các nguy cơ đe dọa phải mang tính toàn cầu, đòi hỏi sự đồng tâm và phối hợp của các quốc gia, các tổ chức khu vực và tổ chức quốc tế.

2. ĐÔNG NAM Á TRONG THẾ GIỚI TIỀM ẨN NHIỀU YẾU TỐ BẤT AN

2.1. Toàn thể nhân loại đã từng chào đón đêm giao thừa bước sang năm 2000 với niềm hân hoan và hy vọng về một thế kỷ hoà bình, một thiên niên kỷ hưng thịnh. Nhưng chẳng bao lâu sau, trong khi khói lửa vùng Bancăng chưa lụi tắt thì vụ khủng bố ngày 11/9/2001 vào Trung tâm Thương mại Thế giới của Hoa Kỳ làm cả thế giới bàng hoàng. Từ đó, những cuộc chiến tranh *chống khủng bố* hoặc mang danh chống khủng bố xuất hiện và lan rộng như chiến tranh Apganixtan, chiến tranh Irắc, những vụ truy lùng tàn quân Taliban khắp các vùng Bắc Phi, Nam Á và ngay cả ở các nước Âu Mỹ..

Cùng với không khí căng thẳng đó là cuộc *chạy đua vũ trang* hầu như không dừng lại sau chiến tranh lạnh, chi phí quân sự của các quốc gia ngày càng gia tăng.

Ngân sách quốc phòng của thế giới trong vòng 10 năm sau chiến tranh lạnh giảm đi 30%, nhưng đến những năm đầu thế kỷ mới lại tăng vọt lên. Năm 2007 đạt mức kỷ lục chưa từng có là 1339 tỷ USD, tăng 6% so với năm 2006, tăng 45% so với cách đây 10 năm, trong đó Mỹ chiếm 45%. Việc xuất khẩu vũ khí tăng nhanh, trong đó 3 nước xuất khẩu nhiều nhất là Mỹ chiếm 31% thị phần, Nga 25% và Đức 10%.

(Theo báo cáo của SIPRI - Viện nghiên cứu hoà bình quốc tế Stockholm).

Điều nguy hiểm là việc áp dụng công nghệ cao để sáng chế các loại vũ khí siêu chính xác, tàng hình mang bom xuyên siêu lớp (sâu tới 200m), phi sát thương (bằng các loại vũ khí chùm tia, gây sốc điện, siêu âm thanh), vũ khí hạt nhân cỡ nhỏ... Các loại vũ khí thuộc thế hệ mới tinh vi hơn, có sức huỷ diệt mạnh hơn và mở rộng phạm vi lên đến vệ tinh quân sự.

Tính đến năm 2010, có 5 nước dẫn đầu về chi phí quân sự là Trung Quốc, Ấn Độ, Nga, Arap Saudi và Hàn Quốc với mức gia tăng ngân sách quốc phòng mỗi năm là 30%. Riêng Trung Quốc, chi phí quốc phòng năm 2008 là 58 tỷ USD, tăng 17% so với 2006.

Điều đáng nói là người ta dành 25 tỷ USD cho việc cứu đói trên thế giới, con số đó chưa bằng 2% chi phí cho quân sự toàn cầu. Có nghĩa là nếu như dùng 2 USD để

cứu người thì lại chi 98 USD để chế tạo vũ khí giết người. Tự con số đó đã là lời bình luận đầy đủ.

Đông Nam Á cũng bị cuốn hút vào tình hình căng thẳng đó. Hoạt động khủng bố lan rộng: lực lượng Abu Sayyaf ở miền nam Philippin tăng cường cuộc chiến chống quân chính phủ, các vụ nổ bom liều chết của lực lượng Jemaah Islamiyah (JI) ở Indônêxia, những cuộc nổi loạn đẫm máu ở miền nam Thái Lan. Trước nguy cơ đó, các nước Đông Nam Á đều tham gia cuộc đấu tranh chống khủng bố, ASEAN nhiều lần ra tuyên bố và ký hiệp định về sự phối hợp đấu tranh giữa các nước thành viên cũng như phối hợp với các nước bên ngoài trên trận chiến này. Song cho đến nay, mặc dầu đã bắt được một vài kẻ chủ mưu, phá được một vài hang ổ nhưng vẫn chưa thấy được hồi kết, nhiều quốc gia ở khu vực vẫn nằm trong vòng đe dọa của nguy cơ bị khủng bố. Đông Nam Á - nơi chiếm 1/5 số tín đồ Hồi giáo trên thế giới - luôn nằm trong sự cảnh báo "sau Trung Đông, Đông Nam Á trở thành sản diễn thứ hai của các hoạt động do Bin Laden chỉ đạo, tài trợ hoặc gợi ý" (Báo Nước Bì tự do 14/10/2002).

Hơn nữa, Đông Nam Á vốn là một *khu vực nhạy cảm* do tầm quan trọng của vị trí đường biển nối liền Thái Bình Dương với Ấn Độ dương, lại chứa đựng nhiều tiềm năng dầu lửa và khí đốt nên đã là và sẽ là

nơi đụng độ lợi ích giữa các quốc gia trong khu vực với các nước láng giềng và các cường quốc khác. Trong bối cảnh của thế giới hôm nay, các nước thoả thuận về một giải pháp chung trong “Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông” (2002) song điều đó không thể ngăn cản những vụ lấn chiếm nhỏ lẻ và càng khó tránh khỏi xung đột trong những hoàn cảnh nhất định.
Yếu tố bất an này là lâu dài, dai dẳng

Nhìn trên bản đồ địa chính trị, không một thành viên nào của ASEAN đủ sức chế tạo *vũ khí hạt nhân* nhưng rõ ràng là Đông Nam Á đang bị vây quanh bởi các quốc gia hạt nhân. Sát vách là Trung Quốc và Ấn Độ, xa chút nữa là Bắc Triều Tiên, Pakixtan, Iran (?). Và không thể không nhắc đến các cường quốc hạt nhân có tầm ảnh hưởng thế giới như Mỹ, Nga, Anh, Pháp. Từ đầu những năm 90, ASEAN đã ra “Tuyên bố về khu vực không có vũ khí hạt nhân” (SEANWFZ) cùng việc tổ chức “Diễn đàn khu vực ASEAN” (ARF) nhằm bảo đảm hoà bình, an ninh Đông Nam Á. Song dẫu sao, trước những biến động khi hoà dịu, khi gay gắt của tình hình thế giới thì hiểm hoạ đối với Đông Nam Á cũng như đối với thế giới là không thể lường hết được.

Cũng không nên quên những nhân tố bất an nằm ngay trong bản thân mỗi quốc gia như các cuộc bạo loạn ly khai, va

chạm sắc tộc, mâu thuẫn tôn giáo và những vụ xung đột về biên giới lãnh thổ, lãnh hải giữa các nước láng giềng. Chỉ một đốm lửa ở nơi này, nơi khác cũng có thể gây ảnh hưởng đến toàn khu vực và sự bất ổn trong cách giải quyết tranh chấp có thể dẫn đến nhiều hậu quả ngoài mong đợi.

Trong xu thế chung của thế giới sau chiến tranh lạnh sẽ không có hoặc có rất ít khả năng xảy ra chiến tranh trên quy mô thế giới (như hai cuộc Thế chiến của thế kỷ XX) nhưng nguy cơ xảy ra những cuộc chiến tranh trong phạm vi nhỏ, những cuộc xung đột vũ trang vẫn chưa thực sự biến mất. Tình trạng bất an do khủng bố, xung đột và chiến tranh vẫn là điều chẳng nên quên !

2.2. Hành tinh xanh từ ngàn đời nay đã từng nuôi sống con người cùng bao loài sinh vật. Con người đã khai thác nó, tận dụng nó, đồng thời phá hoại nó, tạo nên mối nguy cơ lớn đối với *môi trường sinh thái*. Có điều tưởng như nghịch lý là sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật đã đưa con người lên trình độ văn minh rất cao nhưng chính sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp trong khoảng 2-3 thế kỷ qua lại càng làm gia tăng hiểm hoạ của môi trường đối với cuộc sống.

Các nhà khoa học tính toán rằng trong vòng nửa sau của thế kỷ XX, nền kinh tế thế giới đã tăng gấp 6 lần. Nếu tính trung

biên kinh tế toàn cầu mỗi năm tăng 3% thì từ khởi điểm 30 ngàn tỷ USD cuối thập niên 90 sẽ tăng gấp đôi vào năm 2020 và từ mức đó lại tăng gấp đôi vào năm 2050. Với nhịp độ như vậy, khả năng cung ứng của trái đất bị cạn kiệt và con người phải chịu đựng “sự trả thù của giới tự nhiên” như Anghen đã cảnh báo từ giai đoạn đầu của cách mạng công nghiệp. Các chất thải công nghiệp như khí CO₂ đã làm thay đổi khả năng bức xạ nhiệt mặt trời, gây hiệu ứng nhà kính, trái đất nóng lên, phá vỡ thế cân bằng sinh thái. Hậu quả là bão tố, lũ lụt, động đất, sóng thần, sa mạc hoá, hạn hán... xảy ra ngày càng dày đặc hơn, và tác hại càng khốc liệt hơn.

Theo thống kê, tần số các trận bão và lũ lụt lớn gây nhiều thiệt hại năm 1950 có 20 trận, 1970 – 47 trận, 1990 – 86 trận trên thế giới. Số người chết vì thiên tai như sau: 15% do bão, 49% do lũ lụt, 30% do động đất và núi lửa, 6% do các thiên tai khác. Trong thời gian 1987-1997, có khoảng 44% thảm họa lũ lụt xảy ra ở châu Á, cướp đi sinh mạng của 228 ngàn người, thiệt hại kinh tế lên tới 136 tỷ USD.

Vấn đề trái đất nóng lên làm cho nước biển dâng, dẫn đến nhiều hệ lụy khác đang là mối lo của toàn nhân loại.

Trong thế kỷ XX, nhiệt độ trung bình của trái đất tăng 0,74 độ C. nhưng dự tính trong thế kỷ XXI, nhiệt độ sẽ tăng từ 1,8

đến 4 độ C. Trái đất nóng lên sẽ dẫn đến việc băng tan, nước biển dâng làm cho cuộc sống của 500 triệu người Nam Á, 250 triệu người Trung Quốc và từ 75-250 triệu người châu Phi bị đe dọa và 20% - 30% hệ động thực vật sẽ bị tuyệt chủng. (Theo *Tạp chí Cộng sản: Hồ sơ - Sự kiện số 21 – 2007*)

Đông Nam Á do những điều kiện tự nhiên là nơi hứng chịu nhiều thảm họa về môi trường. Hằng năm, Philippin đón nhiều trận bão từ Thái Bình Dương tràn về rồi theo hướng tây – tây bắc vào đến bờ biển Việt Nam hoặc Trung Hoa. Núi lửa và động đất là những tai họa luôn rình rập các quần đảo Indônêxia, Philippin... Gần đây nhất là vụ sóng thần ở Indônêxia và ven biển Thái Lan, vụ động đất ở Mianma đã gây nên nỗi kinh hoàng cho cả loài người.

Trận động đất ở Ấn Độ Dương năm 2004 đã tạo ra một loạt cơn sóng thần khủng khiếp giết hại 230 000 người, làm thiệt hại hàng tỷ USD.

Tại Achê (Indônêxia), đợt sóng thần năm đó có độ cao 24m, có lúc lên đến 30 m, di chuyển với tốc độ từ 500 – 1000 km/giờ. Độ tàn phá của các đợt sóng thần lên đến 5 megaton thuốc nổ TNT, tức là gấp 2 lần lượng thuốc nổ trong Thế chiến 2 (kể cả 2 quả bom nguyên tử).

Thiên tai thường đến bất ngờ, chỉ trong khoảnh khắc đã cướp đi hàng trăm ngàn

sinh mạng, tàn phá nhà cửa, tài sản của hàng triệu người, để lại hậu quả vô cùng thảm khốc. Và nơi phải gánh chịu tai họa này thường là các nước nghèo vì cuộc sống và điều kiện ăn ở của họ rất thô sơ không chống chọi nổi cuồng phong, bão tố và lũ lụt.

2.3. Những biến động của môi trường đã tác động mạnh mẽ đến việc sản xuất lương thực và đời sống của con người.

Vấn đề lương thực luôn là điều lo lắng của bao thế hệ, từ đời này qua đời khác. Nạn lũ lụt, hạn hán, sâu bệnh, đất bạc màu, sự bất thường của thời tiết luôn là những nhân tố đe dọa kết quả thu hoạch, làm cho người trồng trọt bỗng chốc trở thành “trắng tay”, lâm vào nạn cùng cực, thậm chí chết đói hàng triệu, hàng chục triệu người. Chế độ bóc lột tàn bạo, những cuộc chiến tranh liên miên cũng là những tác nhân quan trọng đối với tình trạng đói ăn, thiếu mặc của người dân.

Đến thời đại khoa học công nghệ phát triển, vấn đề an ninh lương thực vẫn còn là nỗi băn khoăn của nhiều người, là đề tài nóng bỏng trong các hội nghị quốc gia và quốc tế.

Trong vòng 30 năm cuối thế kỷ XX, diện tích trồng trọt trên toàn thế giới hầu như không thay đổi, dừng lại ở mức 2,5 tỷ hecta. Nhưng trong nửa thế kỷ qua, dân số thế giới từ 2,5 tỷ người tăng lên 6,6 tỷ và

dự báo đến năm 2050 sẽ là 9-10 tỷ. Ở những nước đang tiến hành công nghiệp hoá, diện tích đất trồng trọt bị thu hẹp để nhường chỗ cho các khu công nghiệp, khu đô thị và các công trình xây dựng khác.

Chẳng hạn ở Trung Quốc trong vòng 10 năm đã mất đi 8 triệu hecta đất trồng trọt. Hiện nay, Trung Quốc chiếm 1/4 dân số thế giới nhưng diện tích canh tác chỉ bằng 1/10. Từ một nước xuất khẩu, đến nay nước này phải nhập khẩu đồ tương nhiều gấp 7 lần, ngô gấp 15 lần so với năm 2005.

Một vấn đề mới đặt ra là trong hoàn cảnh giá dầu tăng cao, một số nước tiến hành trồng “cây nhiên liệu” như mía, ngô, cải dầu... để chiết xuất thành ethanol, được gọi là “nhiên liệu sinh học” nhằm thay thế xăng dầu. Như vậy, sản lượng lương thực để nuôi sống con người bị giảm sút nghiêm trọng.

Theo tính toán, để đổ đầy một bình xăng cho một xe ô tô (khoảng 100 lit cồn), phải chế biến 250 kg lúa mì. Với sản lượng lúa mì đó có thể làm ra 460 kg bánh mì đủ nuôi sống 1 người trong 1 năm.

Trong hoàn cảnh lương thực không đủ cho cuộc sống của con người, giá cả tăng vọt, việc sản xuất loại nhiên liệu sinh học bị lên án là việc làm “vô nhân đạo”. Nhưng chạy theo lợi nhuận, Mỹ và Braxin vẫn là

những nước dẫn đầu trong ngành công nghiệp mới này.

Đông Nam Á vốn được coi là vựa lúa của thế giới, là nơi xuất khẩu hàng đầu lúa gạo ra thị trường bên ngoài. Nhưng lịch sử đã chứng kiến những trận đói làm chết đến hàng vạn, hàng triệu người ở nhiều nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Ngoài những nguyên nhân do thiên tai, do sự bóc lột tàn bạo của chủ nghĩa thực dân thì những cuộc chiến tranh, xung đột liên miên đã làm cho nạn đói trở nên nổi ám ảnh đối với nhiều quốc gia. Trước đây, bên cạnh Thái Lan, các nước Campuchia, Myanma đã từng là địa chỉ xuất khẩu gạo có chất lượng cao, nhưng nhiều biến động chính trị đã làm giảm thiểu khả năng này, có giai đoạn bị rơi vào nguy cơ chết đói, đến nay dần dần hồi phục. Philippin trên quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá đã thu hẹp diện tích canh tác, nay trở thành nước nhập khẩu gạo. Việt Nam mặc dầu đã trở thành một nước xuất khẩu gạo nhưng những kinh nghiệm kể trên vẫn là điều rất đáng suy ngẫm.

2.4. Tình trạng cạn kiệt các nguồn tài nguyên cũng đang là vấn đề nan giải. Ngay đất và nước, nguồn tài nguyên tưởng như vô tận thì nay cũng có nhiều dấu hiệu báo động. Đất trồng trọt ngoài phần bị lấn chiếm cho các mục đích khác, phần còn lại giảm sút độ màu mỡ vì tác hại của việc

khai thác cường độ cao, của các loại chất bón hoá học. Nguồn nước cũng bị thu hẹp vì sự khai phá, vì độ ô nhiễm gây nên nguy cơ không đủ về số lượng và chất lượng phục vụ cuộc sống. Rừng bị tàn phá làm mất đi sự cân bằng sinh thái tự nhiên, hạn chế khả năng hấp thụ CO₂ gây nên hiệu ứng nhà kính, làm trái đất nóng lên, không ngăn được lũ và huỷ hoại nhiều loài động vật quý hiếm, nhiều loài cây lưu niên có giá trị cao.

Nhất là *nguồn năng lượng* (than, dầu lửa, khí đốt...) chẳng những khan hiếm bị đẩy giá lên rất cao mà còn là nguyên cơ của nhiều cuộc chiến tranh giành giật. Hiện nay, do tốc độ phát triển công nghiệp, nhu cầu tiêu thụ dầu mỏ vẫn rất lớn, chiếm 35% tổng khối năng lượng tiêu dùng trên thế giới, đến năm .2030, mức tiêu thụ khí đốt sẽ là 87%.

Nhu cầu dầu mỏ toàn thế giới năm 2006 là 84,5 triệu thùng/ngày, năm 2007 là 85,9 triệu thùng. Mỹ vẫn là nước dẫn đầu trong việc tiêu thụ dầu lửa. Mỹ sử dụng dầu lửa nhiều hơn 5 nước cộng lại là Trung Quốc, Nhật Bản, Nga, Đức và Ấn Độ. Mỹ nhập khẩu dầu lửa bằng lượng nhập khẩu của 4 nước Nhật Bản, Trung Quốc, Đức và Pháp. Tổng lượng tiêu thụ của Mỹ là hơn 40% lượng xăng và hơn 25% lượng dầu thô trên thế giới.

Trung Quốc đã vượt Nhật Bản, đứng thứ hai thế giới về tiêu thụ xăng dầu, mỗi ngày nhập khoảng từ 3 triệu đến 4,5 triệu thùng.

Sự khan hiếm dầu lửa và sự mất cân đối cung - cầu được mô tả bằng sự so sánh sau: năm 2006 được coi là năm cuối cùng thế giới tự cận đối với nguồn cung 85 triệu thùng/ngày đáp ứng nhu cầu 84 triệu thùng/ngày. Dự báo trong những năm tiếp sau, tỷ lệ đó biến động rất nhanh theo chiều ngược: năm 2010 là 90 / 95, năm 2020 là 115/110, năm 2030 là 110 / 130.

Có một sự thực là các nước tiêu thụ nhiều dầu (Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Anh...) chỉ sở hữu lượng dầu hạn chế trong khi nguồn đó lại ở trong tay các nước có trình độ phát triển thấp hơn (Trung Đông, Bắc Phi, Trung Á, Nam Mỹ). Chính nghịch lý này chi phối quan hệ quốc tế, từ căng thẳng, xung đột đến chiến tranh và tăng giá dầu lên mức kỷ lục chưa từng có. Mỗi biến động nhỏ trên thế giới cũng có thể là tác nhân đẩy giá dầu lên cao. Những cuộc chiến tranh vùng Vịnh, chiến tranh Irắc, những cuộc "cách mạng sắc màu" ở một số nước thuộc Liên Xô trước đây đều ít nhiều bắt nguồn từ dầu lửa. Do vậy, khủng hoảng năng lượng đẩy thế giới vào tình trạng bất an đầy hiểm nguy.

Đông Nam Á vẫn được coi là vùng có nhiều tiềm năng dầu lửa và khí đốt, có nơi

được khai thác sớm như Indônêxia, Brunây; có nơi đang thăm dò và bước đầu khai thác như Malaixia, Philippin, Việt Nam. Trữ lượng dầu lửa và khí đốt ở vùng thềm lục địa cũng như ngoài khơi hứa hẹn một tương lai sáng sủa mà các công ty đều cố gắng đầu tư khai thác. Xingapo tuy không có dầu nhưng lại là một trung tâm công nghệ lọc dầu hiện đại, mỗi ngày xuất khẩu 1,5 triệu thùng. Nhưng cũng như vùng Trung Đông, việc tranh chấp các đảo thuộc thềm lục địa hay ngoài khơi Biển Đông nhằm sở hữu nguồn năng lượng hấp dẫn này luôn là thách thức gây nổi bất an lâu dài trong khu vực.

3. AN NINH CON NGƯỜI - VẤN ĐỀ CỦA VIỆT NAM HÔM NAY

Việt Nam là một bộ phận của thế giới, bán đảo hình chữ S nằm ở một góc nhỏ trên hành tinh. Số phận của nó đương nhiên được thừa hưởng những ân huệ của thiên nhiên và cũng phải chịu đựng bao tai hoạ của đất trời như mọi nơi, như mọi người.

Nhìn riêng Việt Nam có thể thấy những thách thức về an ninh con người bắt nguồn từ hai phía do *sự ô nhiễm của môi trường thiên nhiên* và *sự ô nhiễm của môi trường xã hội*. Tách bạch ra làm hai như vậy song trên thực tế, đó là 2 yếu tố có quan hệ nhân - quả đan xen nhau, cái này

là nguyên nhân, là kết quả của cái kia và ngược lại.

Mối lo lớn nhất về sự bất an của thiên nhiên chính là vấn đề trái đất nóng lên làm nước biển dâng cao. Các nhà khoa học quốc tế cảnh báo Việt Nam và Bangladesh sẽ là 2 trong số nhiều nước chịu hậu quả nặng nề nhất. Việt Nam có trên 3000 km bờ biển, nếu mực nước biển dâng cao 1m thì có thể sẽ mất đi 16% diện tích lãnh thổ do chìm ngập trong nước biển. Phần lớn diện tích đó thuộc vùng đồng bằng phi nhiêu, những vựa lúa của đất nước. Khoảng thời gian của tai hoạ này không còn xa nữa, chỉ trong thế kỷ này thôi.

Đang là nước xuất khẩu gạo, Việt Nam cũng không thể bình tâm trước cuộc *khủng hoảng lương thực* trên thế giới. Bởi vì diện tích đất trồng lúa và các loại lương thực ở nước ta đang bị thu hẹp dần do việc mở rộng các khu công nghiệp, khu đô thị. Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, chỉ trong vòng 5 năm gần đây, cả nước đã mất đi 300 ngàn hecta đất trồng trọt. GS.TS.Võ Tòng Xuân, chuyên gia nông nghiệp hàng đầu của Việt Nam đã lên tiếng: “Sự phát triển *nóng* công nghiệp chính đã *đốt cháy* nông dân” và đề xuất nên xây dựng các khu công nghiệp ở những vùng đất ít thuận lợi cho trồng trọt tuy rằng lúc đầu có khó khăn về giao thông và các phương tiện sinh hoạt. Kinh nghiệm

Philippin từ một quốc gia xuất khẩu nay trở thành nước nhập khẩu gạo là bài học nhỡn tiền và đắt giá.

Công cuộc công nghiệp hoá khi không được giải quyết toàn diện sẽ để lại nhiều *hậu quả nặng nề cho nông dân* như mất đất, thất nghiệp, trình độ văn hoá thấp kém, dễ rơi vào tình trạng hư hỏng. Các cơ quan Nhà nước, các nhà doanh nghiệp phải có trách nhiệm giải quyết công ăn việc làm, ổn định đời sống cho hàng chục triệu nông dân. Chính sự “ô nhiễm môi trường xã hội” của một số người trong giới công quyền và doanh nhân đã dẫn đến việc bỏ mặc nông dân sau khi đã mua (hay chiếm?) được đất của họ. Cũng phải nói đến mặt khác là không ít thanh niên nông dân không chịu học hành, không đáp ứng được yêu cầu của nền sản xuất công nghiệp nên trở thành những người lao động giản đơn, thậm chí vô công rồi nghề. Đó chính là nỗi bất an lớn nhất đối với thành phần cư dân đông đảo trong xã hội ta ngày nay. Bài toán có được giải quyết triệt để thì mới bảo đảm chính sách “tam nông” của Đảng và Nhà nước, mới thực sự thay đổi cuộc sống của người dân và giữ gìn sự ổn định xã hội.

Giai cấp công nhân là lực lượng chủ chốt trong tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đáng lẽ phải là lớp người được hưởng nhiều lợi ích. Nhưng hiện trạng lao động và đời sống của họ cho thấy sự thực

chưa phải là như vậy. Họ luôn sống trong tình trạng bất an về tai nạn lao động, về nhiễm độc thực phẩm, về điều kiện vệ sinh v.v. mà chế độ bảo hiểm tính mạng chỉ mang tính hình thức. Nghĩa là sự bảo đảm điều kiện sống và làm việc cho một lực lượng lao động quan trọng được tôn lên là “giai cấp lãnh đạo cách mạng” ở nước ta hoàn toàn không tương xứng nếu không muốn nói rằng đó là hình ảnh sinh động mà Ph. Anghen đã mô tả cách đây gần 2 thế kỷ trong tác phẩm “Tình cảnh giai cấp cần lao ở Anh” (!).

Cuộc *khủng hoảng năng lượng* thế giới đã tác động mạnh mẽ vào nền kinh tế và đời sống ở nước ta. Tiến trình công nghiệp hoá đòi hỏi nguồn cung cấp năng lượng ngày càng nhiều về số lượng, càng cao về chất lượng. Những khó khăn kinh tế hôm nay, một phần quan trọng cũng bắt nguồn từ nhân tố này. Việt Nam là nước có nhiều tiềm năng về các nguồn năng lượng với mỏ than, mỏ dầu và khí đốt nhưng đáng tiếc thay, dân ta lại đang là nạn nhân của việc tăng giá dầu. Tín hiệu đáng mừng là nhà máy hoá dầu Dung Quất sẽ bắt đầu hoạt động vào tháng 2 năm 2009 và theo lời Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải thì sẽ đáp ứng 30-40% nhu cầu năng lượng của nước nhà. Vui mừng chờ đón thành quả đó song không thể không đặt ra câu hỏi là phải chăng ta đã để lỡ thời cơ do việc triển khai

khu công nghiệp này chậm và có phần trì trệ trong giai đoạn khởi đầu? Kinh nghiệm cho thấy Liên bang Nga bằng nguồn dầu mỏ và khí đốt đã vượt qua thời kỳ khủng hoảng, khôi phục được vị thế của đất nước và nắm trong tay một “vũ khí” mạnh trong quan hệ quốc tế.

Sự ô nhiễm môi trường ở nước ta nghiêm trọng đến mức *nạn dịch bệnh* diễn ra liên miên đối với con người, đối với các loài gia cầm và gia súc, các loại cây trồng. Phải nói rằng so với trước đây, khoa học phát triển hơn nhiều, các phương tiện thông tin và chạy chữa cũng đã tiến bộ nhiều. Nhưng phải chăng sự yếu kém về công tác phòng dịch, sự thiếu trách nhiệm trước những nguy cơ đối với đời sống của người dân đã làm cho nỗi bất an về sức khoẻ, về vệ sinh thực phẩm thường xuyên đe dọa con người. Hiện tượng dịch bệnh lan tràn là hậu quả của sự ô nhiễm môi trường tự nhiên mà sự ô nhiễm môi trường tự nhiên có phần rất quan trọng lại là hậu quả của tình trạng ô nhiễm môi trường xã hội.

Nguy cơ lớn nhất của tình trạng ô nhiễm môi trường xã hội là *nạn tham nhũng, tệ quan liêu*, sự thờ ơ, bệnh vô cảm trước bao nỗi bất an của người dân. Con số khoảng 30 người chết vì tai nạn giao thông mỗi ngày được thông báo trên các phương tiện thông tin đã quá quen thuộc đến mức

“nhòn thuốc”, nhiều người không may may xúc động. Và trong tất cả mọi việc, hậu quả xảy ra không được xác định trách nhiệm của một ai cụ thể, do đó cũng chẳng có giải pháp cụ thể hữu hiệu. Cuộc sống cứ trôi đi triền miên như thế, bất an như thế, mãi cùng thành quen (?!).

Do vậy, an ninh con người bị đặt trong cái vòng luẩn quẩn hầu như không có lối ra nếu không hoạch định một chiến lược phát

triển lâu dài, nếu không làm trong sạch hệ thống quyền lực các cấp để từ đó trong sạch hoá môi trường xã hội và môi trường tự nhiên với sự nỗ lực và khả năng cho phép. Có làm kiên quyết và kiên trì như vậy mới đạt được mục tiêu phát triển bền vững, chẳng những có độ tăng trưởng cao về kinh tế mà còn phát huy được sự bảo đảm chắc chắn về an ninh xã hội, an ninh con người.

HUMAN SECURITY AND INSTABILITY

Vu Duong Ninh
VNU-HN

ABSTRACT: *After an introduction on the concept of human security in modern society, the paper analyses in a comprehensive and profound way the underlying causes of the war, the ethnic and religious conflicts leading to food insecurity, the risk of natural resource barrenness and energy shortages etc... in South-East Asia. It also examines a variety of pollution risks of the natural and social environment in Vietnam and proposes as a necessity the design of a sustainable long term basis development strategy.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. *Bảo đảm an ninh lương thực trong điều kiện biến đổi khí hậu.* <http://www.agroviet.gov.vn>
- [2]. Clive J. Christie: *A Modern History of Southeast Asia. Decolonization, Nationalism, and Separatism.* Institute of Southeast Asian Studies. Singapore
- [3]. *Diễn đàn chính sách an ninh năng lượng ASEM lần thứ nhất tại Hà Nội ngày 11/4/2008.* [http:// vietnamnet.vn/service](http://vietnamnet.vn/service)

- [4]. Đào Thế Tuấn: *Nông nghiệp, nông thôn, nông dân, những vấn đề không thể thiếu trong sự phát triển bền vững* <http://www.tapchiconsan.org.vn>
- [5]. Lim Chong Yan: *Đông Nam Á - chặng đường dài phía trước*. Nxb Thế giới. H 2002
- [6]. Richard J. Ellings, Sheldon W. Simon (cb): *An ninh Đông Nam Á trong niên niên kỷ mới*. Nxb M.E. Sharpe. Bản dịch tiếng Việt xuất bản tại Hà Nội 2004
- [7]. Tạ Minh Tuấn: *An ninh con người trong mối đe dọa toàn cầu*. Số 12/2008. <http://www.Tapchiconsan.org.vn>
- [8]. Trần Văn Trình: *An ninh phi truyền thống - một khái niệm mới và hướng hợp tác mới* <http://vst.vista.gov.vn>
- [9]. *The Human Development Report. Khái niệm về an ninh con người*. <http://iss.gov.vn>
- [10]. *UNDP's 1994 Definition*. http://en.wikipedia.org/wiki/Human_Security
- [11]. *Hồ sơ & Sự kiện* (Chuyên san Tạp chí Cộng sản): các số năm 2007, 2008
- [12]. *Thế giới & Việt Nam* (tuần báo của Bộ Ngoại giao): các số năm 2008